

**PURABYK-R 5500**

Mã sản phẩm: 00000000000135716

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : PURABYK-R 5500

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Rheology Additive

**Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)**

Công ty : BYK-Chemie GmbH

Địa chỉ : Abelstrasse 45  
46483 Wesel

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)  
+65 3158 1074 (All languages)**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Không có thông tin.

**3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất  
Bản chất hóa học : Synthetic (modified) phyllosilicate**Thành phần nguy hiểm**

Tên hóa học

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Tetrasodium Pyrophosphate	7722-88-5	$\geq 7$ - $< 10$

**4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.  
Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.  
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa sạch bằng xà bông và nước.  
Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng  
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Gỡ bỏ kính áp tròng.  
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.

**PURABYK-R 5500**

Mã sản phẩm: 00000000000135716

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	:	Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài. Giữ sạch đường hô hấp. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	:	Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có. Gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	:	Điều trị theo triệu chứng.

**5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	:	Bụi nước Bọt Carbon diôxít (CO <sub>2</sub> ) Hóa chất khô
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	:	Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	:	Vật liệu có thể trơn khi ướt.
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	:	Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	:	Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

**6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	:	Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Tránh hít bụi. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực hoá chất bị tràn đổ/rò rỉ và tránh hướng gió thổi. Nguyên liệu hoá chất có thể gây trơn trượt. Chỉ người được trang bị các thiết bị bảo hộ thích hợp mới có thể tham gia. Tránh tạo ra bụi.
Các cảnh báo về môi trường	:	Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn. Cố gắng phòng tránh các vật liệu đi vào đường ống hoặc đường nước. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	:	Sử dụng máy hút bụi công nghiệp đủ tiêu chuẩn để loại bỏ. Lọc bụi không khí hiệu ứng cao (Bộ lọc HEPA) Các phương pháp làm sạch-vụ tràn đổ lớn Làm lắng bụi bằng tia bụi nước. Xúc vào một bình chứa thích hợp để tiêu huỷ. Sau khi lau rửa, xả sạch các lượng còn sót lại bằng nước.  Thu gom và tiêu huỷ mà không tạo ra bụi bẩn. Quét và dọn sạch bằng xẻng.

**PURABYK-R 5500**

Mã sản phẩm: 00000000000135716

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

**7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN**

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.  
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
- Các chất cần tránh bảo quản chung : Không có vật liệu đặc biệt nào được đề cập tới.

**8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN****Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

- Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp** : Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.  
Giữ nồng độ không khí thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề nghiệp.  
Bụi phải được tách trực tiếp tại điểm bắt đầu.

**Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

- Bảo vệ hô hấp** : Trong trường hợp có bụi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.  
Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.
- Bảo vệ tay**  
**Vật liệu** : Găng tay bảo hộ
- Ghi chú** : Mang găng tay thích hợp.  
Dùng kem bảo vệ da trước khi thao tác với sản phẩm. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.
- Bảo vệ mắt** : Kính bảo hộ  
Đeo kính an toàn có phần bảo vệ rìa mắt.  
Nếu môi trường làm việc hoặc hoạt động có điều kiện khói bụi, sương mù hoặc sol khí, hãy đeo kính phù hợp.
- Bảo vệ da và cơ thể** : Mặc đồng phục hoặc áo choàng phòng thí nghiệm.  
Bộ quần áo bảo hộ
- Các biện pháp vệ sinh** : Biện pháp vệ sinh công nghiệp chung.

**9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT**

- Trạng thái : bột  
Màu sắc : màu trắng  
Mùi đặc trưng : không mùi  
Ngưỡng mùi : Không áp dụng được
- Độ pH : 9,7

**PURABYK-R 5500**

Mã sản phẩm: 00000000000135716

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

	Nồng độ: 20 g/l (như chất phân tán)
Điểm/ khoảng nóng chảy	: Không áp dụng được
Điểm sôi/khoảng sôi	: Không áp dụng được
Điểm cháy	: Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	: Không áp dụng được
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	: Không cháy.
Giới hạn trên của cháy nổ	: Không áp dụng được
Giới hạn dưới của cháy nổ	: Không áp dụng được
Áp suất hóa hơi	: Không áp dụng được
Tỷ trọng hơi tương đối	: Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	: chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	: chưa có dữ liệu
Mật độ lớn	: 1.000 kg/m <sup>3</sup>
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: hòa tan một phần
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	: Không áp dụng được
Nhiệt độ phân hủy	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: Không áp dụng được
Độ nhớt, động học	: Không áp dụng được
Sức căng bề mặt	: chưa được xác định

**10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT**

Khả năng phản ứng	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	: Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị. Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể. Bụi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ trong không khí.
Các điều kiện cần tránh	: Tiếp xúc với không khí hoặc hơi ẩm trong thời gian dài. chưa có dữ liệu
Vật liệu không tương thích	: Các axit mạnh và các chất oxy hóa
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

**PURABYK-R 5500**

Mã sản phẩm: 00000000000135716

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

phân hủy

**11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH****Độc cấp tính****Sản phẩm:**Độc tính cấp theo đường : Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg  
miệng Phương pháp: Phương pháp tính toán**Thành phần:****Tetrasodium Pyrophosphate:**Độc tính cấp theo đường : LD50 (Chuột): > 300 - < 2.000 mg/kg  
miệng Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 420  
GLP: có**Ăn mòn/kích ứng da****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Thành phần:****Tetrasodium Pyrophosphate:**

Kết quả: Không gây kích ứng da

Loài: Thỏ

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404

Kết quả: Không gây kích ứng da

GLP: có

**Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt****Sản phẩm:**

Loài: Bovine corneal opacity and permeability assay (BCOP)

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 437

GLP: có

**Thành phần:****Tetrasodium Pyrophosphate:**

Kết quả: Kích ứng mắt nghiêm trọng

Đánh giá: Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Loài: Thỏ

Kết quả: Gây ăn mòn cho mắt

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

GLP: có

**PURABYK-R 5500**

Mã sản phẩm: 00000000000135716

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

**Kích thích hô hấp hoặc da**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Thành phần:**

**Tetrasodium Pyrophosphate:**

Loại kiểm nghiệm: Mouse Local Lymph Node assay (LLNA)

Đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da

Loài: Chuột nhắt

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429

Kết quả: Không phải là chất gây mẫn cảm da

GLP: có

**Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**

**Sản phẩm:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Tác nhân gây ung thư**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độc tính sinh sản**

**Sản phẩm:**

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**STOT - Tiếp xúc một lần**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**STOT - Tiếp xúc lặp lại**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Lượng độc lặp lại**

**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**PURABYK-R 5500**

Mã sản phẩm: 000000000000135716

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

**Độc tính hô hấp****Sản phẩm:**

chưa có dữ liệu

**Thông tin khác****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI****Độc môi trường****Sản phẩm:**

Độc đối với cá

:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác  
và các động vật không  
xương sống thủy sinh khác

:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Thành phần:****Tetrasodium Pyrophosphate:**

Độc đối với cá

:

LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 100 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm bán tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203  
GLP: cóĐộc tính đối các loài giáp xác  
và các động vật không  
xương sống thủy sinh khác

:

EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
GLP: có

Độc đối với tảo

:

ErC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): > 100 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201  
GLP: cóNOEC (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): > 100 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201  
GLP: có

Độc tính đối với vi khuẩn

:

EC50 (Than hoạt tính): > 1.000 mg/l  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209  
GLP:**Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy****Sản phẩm:**

**PURABYK-R 5500**

Mã sản phẩm: 00000000000135716

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Khả năng tích lũy sinh học**

**Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độ linh động trong đất**

chưa có dữ liệu

**Các tác hại khác**

**Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

**13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**

**Các biện pháp thải bỏ**

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

**14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**

**Quy định Quốc tế**

**UNRTDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**IATA-DGR**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**Mã IMDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**  
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

**15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**

**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 69/2025/QH15

**16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**

**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS -

**PURABYK-R 5500**

Mã sản phẩm: 000000000000135716

Phiên bản 2.2 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.